

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Triển khai công tác phòng, chống bão, lũ, thiên tai cực đoan và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Cà Mau từ nay đến hết năm 2026, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 04/7/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc với đại diện Đảng ủy Chính phủ và các cơ quan liên quan về công tác phòng, chống bão, lũ, thiên tai cực đoan và biến đổi khí hậu giai đoạn đến hết năm 2026; Nghị quyết số 210/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Thông báo số 117-TB/VPTW; Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 24/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo số 117-TB/VPTW, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, hiệu quả tư duy, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Nghị quyết số 210/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 122-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tạo chuyển biến rõ nét về nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; xác định công tác phòng, chống thiên tai là bộ phận không tách rời của phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh con người, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và ổn định xã hội.

b) Chuyển mạnh từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động; từ tập trung khắc phục hậu quả sang phòng ngừa từ sớm, từ xa; từ chỉ đạo theo mùa vụ sang chuẩn bị thường xuyên; từ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm sang quản lý, chỉ đạo, điều hành trên cơ sở dữ liệu, khoa học, công nghệ, pháp luật, kỷ luật quy hoạch và trách nhiệm người đứng đầu; chuyển từ cảnh báo hiện tượng sang cảnh báo theo tác động chi tiết đến từng địa bàn, từng đối tượng.

c) Cụ thể hóa các nhiệm vụ của Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành các nhiệm vụ, giải pháp, chương trình, kế hoạch, đề án, phương án phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; bảo đảm công tác phòng, chống thiên tai được tích hợp sâu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, điều hành sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, bảo đảm an sinh và bảo vệ đời sống Nhân dân.

d) Nâng cao năng lực phòng ngừa, dự báo, cảnh báo, chỉ huy, điều hành, ứng

phó, cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả; hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước, Nhân dân và doanh nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai phải bảo đảm đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm từng ngành, lĩnh vực, địa bàn và từng loại hình, cấp độ rủi ro thiên tai; tuyệt đối không được chủ quan trước bất kỳ kịch bản thiên tai nào; nghiêm túc thực hiện, không hình thức, không chung chung, không để bị động, bất ngờ.

b) Mỗi nhiệm vụ phải bảo đảm nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ thẩm quyền; gắn kết chặt chẽ với công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc và xử lý trách nhiệm theo quy định.

c) Các sở, ban, ngành, địa phương phải khẩn trương cập nhật tư duy, quan điểm, nhiệm vụ mới vào kế hoạch phòng, chống thiên tai năm 2026, phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai và các chương trình, kế hoạch, phương án có liên quan; không chờ đợi kế hoạch chung của tỉnh mà chủ động triển khai ngay các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền; lồng ghép chặt chẽ với các văn bản chỉ đạo, kế hoạch đã ban hành trước, tránh chồng chéo, trùng lặp.

d) Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường phối hợp giữa các ngành, cấp, lực lượng vũ trang, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Nhân dân; lấy bảo vệ tính mạng, sức khỏe người dân làm mục tiêu cao nhất, ưu tiên bảo vệ đối tượng yếu thế: người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, người bệnh, hộ nghèo, hộ neo đơn.

II. TƯ DUY, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Bảo vệ tính mạng, sức khỏe và tài sản của Nhân dân là mục tiêu cao nhất

Lấy Nhân dân làm trung tâm, làm chủ thể trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; ưu tiên nguồn lực và giải pháp bảo vệ đối tượng yếu thế, khu dân cư có nguy cơ cao.

2. Chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa, lấy phòng ngừa là chính

Chủ động chuẩn bị cho các tình huống thiên tai có khả năng xảy ra nhanh hơn, mạnh hơn, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn, tính chất phức tạp hơn; không được chủ quan trước bất kỳ kịch bản nào. Công tác phòng ngừa phải được thực hiện ngay từ giai đoạn quy hoạch, đầu tư, tiêu chuẩn xây dựng, bảo vệ rừng, bảo vệ hành lang công trình thủy lợi, quản lý hệ thống sông, kênh, rạch, ao, hồ, bố trí dân cư, bảo đảm an toàn công trình, dự báo, cảnh báo, truyền tin và nâng cao kỹ năng cho cộng đồng.

3. Công tác phòng, chống thiên tai là bộ phận cấu thành của phát triển bền vững

Tích hợp yêu cầu phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, tổ chức sản xuất, phát triển đô thị, nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh năng lượng và ổn định đời sống Nhân dân. Các công trình đầu tư mới, dự án trọng điểm phải được xem xét, đánh giá đầy đủ về khả năng chống chịu trước thiên tai và mức độ thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Lấy cơ sở làm nền tảng, phát huy hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ”

Cấp xã nắm chắc tình hình dân cư, địa bàn, mức độ rủi ro và phương án ứng phó; đồng thời xây dựng cơ chế phối hợp liên xã, liên vùng và cơ chế chi viện kịp thời từ cấp tỉnh, lực lượng vũ trang khi tình huống vượt quá khả năng xử lý của cơ sở; không giao trách nhiệm cho cơ sở theo phương châm “bốn tại chỗ” mà không bảo đảm đủ nhân lực, phương tiện, vật tư, nguồn lực và cơ chế hỗ trợ, chi viện.

5. Nâng cao chất lượng quản trị rủi ro trên cơ sở dữ liệu, khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số và hệ thống cảnh báo theo tác động chi tiết đến từng khu vực, từng đối tượng; từng bước hình thành hệ thống chỉ huy, điều hành và công cụ hỗ trợ ra quyết định trên môi trường số.

6. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương và trách nhiệm người đứng đầu

Kiên quyết ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi phá rừng, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, san lấp sông, kênh, rạch, ao, hồ, khai thác tài nguyên trái phép, xây dựng không đúng quy hoạch và các hành vi khác làm gia tăng nguy cơ thiên tai. Xem xét trách nhiệm tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu, trong trường hợp thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý, không chuẩn bị đầy đủ phương án, chậm trễ trong công tác cảnh báo, sơ tán hoặc để xảy ra thiệt hại nghiêm trọng do nguyên nhân chủ quan.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐẾN HẾT NĂM 2026

1. Rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai

a) Khẩn trương rà soát, cập nhật Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh năm 2026, phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro và các kế hoạch, phương án chuyên ngành liên quan; nội dung rà soát, cập nhật phải bao quát đầy đủ các loại hình thiên tai có khả năng xảy ra trên địa bàn, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, dông, lốc, sét, triều cường, ngập úng, sạt lở bờ sông, bờ biển, hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn và các hình thái thiên tai khác.

b) Phương án phải cập nhật kịch bản ứng phó với các tình huống thiên tai bất thường, vượt lịch sử như đã xảy ra trong giai đoạn 2024 - 2025, xây dựng cụ thể theo từng vùng, địa bàn, khu dân cư, nhóm đối tượng và cấp độ rủi ro; xác định rõ lực lượng, phương tiện, vật tư, địa điểm trú tránh, tuyến đường sơ tán, nguồn lực và cơ chế phối hợp, chi viện.

2. Nắm chắc khu vực nguy hiểm, danh sách hộ dân và đối tượng có nguy cơ bị ảnh hưởng

a) Rà soát, lập danh mục và bản đồ chi tiết các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở, ngập sâu, chia cắt, cháy rừng, thiếu nước, xâm nhập mặn, triều cường, ảnh hưởng bởi bão và các nguy cơ thiên tai khác.

b) Lập danh sách cụ thể từng hộ dân, từng đối tượng yếu thế cần được ưu tiên bảo vệ, hỗ trợ hoặc tổ chức sơ tán; cập nhật thường xuyên khi có biến động về tình hình hoặc điều kiện thực tế.

c) Xác định rõ đối tượng cần tổ chức sơ tán trước; thời điểm và điều kiện tiến hành sơ tán; tuyến đường, phương tiện và lực lượng hỗ trợ; địa điểm tập trung, trú tránh; điều kiện bảo đảm nước sạch, lương thực, thuốc, vật tư y tế, điện, vệ sinh môi trường và an ninh, trật tự tại khu vực sơ tán; xây dựng phương án dự phòng trong trường hợp mất điện, mất thông tin liên lạc.

3. Tổ chức thực chất phương châm “bốn tại chỗ”

a) Rà soát thực tế năng lực của từng xã, phường; xác định rõ quy mô, chất lượng lực lượng tại chỗ, người chỉ huy tại chỗ, phương tiện, vật tư và điều kiện hậu cần tại địa phương cùng khả năng huy động thực tế.

b) Xác định rõ các xã, phường làm trung tâm hỗ trợ; địa điểm tập kết lực lượng, phương tiện, vật tư; xây dựng cơ chế phối hợp liên xã, liên vùng, liên địa bàn.

c) Xây dựng phương án chi viện của cấp tỉnh, lực lượng quân sự, công an và các lực lượng liên quan khi tình huống vượt quá khả năng xử lý của cơ sở.

d) Rà soát, củng cố và kiện toàn lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở; ưu tiên những người có đủ sức khỏe, thành thạo kỹ năng vận hành máy móc, phương tiện, có kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn.

4. Kiểm tra, đánh giá mức độ an toàn công trình và hệ thống hạ tầng thiết yếu

a) Tổ chức kiểm tra thực tế, đánh giá mức độ an toàn đối với: hệ thống đê biển Đông, đê biển Tây, đê sông và các đoạn xung yếu; các khu vực có nguy cơ sạt lở bờ biển, bờ sông, tuyến giao thông ven sông, khu vực mất rừng phòng hộ; công trình thủy lợi, cống ngăn mặn, khu neo đậu tránh trú bão, công trình cấp nước; hệ thống cung cấp điện, viễn thông, giao thông; công trình trường học, cơ sở y tế, công trình công cộng và các công trình hạ tầng thiết yếu khác; khu vực Vườn quốc gia, rừng tràm, rừng phòng hộ có nguy cơ cháy cao; khu dân cư ven sông, ven biển, vùng thấp trũng; khu vực sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tập trung.

b) Kết quả kiểm tra phải được phân loại cụ thể: công trình, khu vực cần xử lý ngay; công trình cần theo dõi đặc biệt; công trình phải hạn chế hoặc tạm dừng khai thác; công trình cần bố trí nguồn vốn để sửa chữa, nâng cấp; công trình vượt quá khả năng cân đối của tỉnh cần lập hồ sơ đề nghị Trung ương hỗ trợ.

5. Chủ động ứng phó tình hình hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn mùa khô năm 2026 - 2027

Xây dựng kế hoạch và giải pháp cụ thể điều chỉnh cơ cấu cây trồng, lịch thời vụ sản xuất; ưu tiên đầu tư công trình cấp nước, trữ nước, cống ngăn mặn; bảo đảm an ninh nguồn nước sinh hoạt và nước phục vụ sản xuất cho Nhân dân và doanh nghiệp, tập trung thực hiện các nội dung sau:

a) Rà soát, xác định rõ phạm vi khu vực và số lượng hộ dân có nguy cơ thiếu nước sinh hoạt; xây dựng phương án cấp nước khẩn cấp và xác định nguồn nước dự phòng.

b) Triển khai các giải pháp trữ nước, cấp nước tập trung, nối mạng cấp nước và cấp nước liên vùng; ưu tiên bảo đảm nguồn nước cho các khu vực thường xuyên thiếu nước, nơi nguồn nước ngầm suy giảm hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng.

c) Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo, thông tin về mức độ xâm nhập mặn và chất lượng nước đến từng cộng đồng dân cư, khu vực sản xuất và doanh nghiệp.

d) Chuẩn bị sẵn sàng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; xây dựng giải pháp bảo vệ cây trồng, vật nuôi và sinh kế của người dân.

6. Bảo đảm duy trì và phục hồi nhanh chóng hoạt động kinh tế - xã hội

a) Tích hợp nội dung phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và các kịch bản điều hành phát triển của tỉnh.

b) Xây dựng, cập nhật phương án duy trì hoạt động và phục hồi nhanh chóng đối với các lĩnh vực: sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và khai thác thủy sản; sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ logistics; các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, vùng sản xuất tập trung; hệ thống cung cấp điện, nước, viễn thông, giao thông; hoạt động y tế, giáo dục và công tác bảo đảm cung ứng hàng hóa thiết yếu cho Nhân dân.

c) Không để hoạt động sản xuất, kinh doanh, chuỗi cung ứng và đời sống Nhân dân bị gián đoạn trong thời gian dài do thiếu sự chuẩn bị và phương án dự phòng.

7. Nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo và truyền tin

a) Chuyển mạnh từ hình thức cảnh báo theo hiện tượng thiên tai sang cảnh báo theo mức độ tác động; nội dung bản tin cảnh báo phải nêu rõ: khu vực nào có nguy cơ ngập nước, sạt lở, cháy rừng hoặc bị chia cắt giao thông; tuyến đường, khu vực nào cần hạn chế hoặc cấm lưu thông; hộ dân, khu dân cư nào cần chuẩn bị hoặc tổ chức sơ tán; thời điểm, mức độ rủi ro và các biện pháp cần thực hiện; đồng thời xác định rõ đầu mối tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin.

b) Đa dạng hóa hình thức truyền tin thông qua hệ thống chính quyền các cấp, truyền thanh cơ sở, báo chí, phát thanh, truyền hình, tin nhắn điện thoại, các nền tảng số và mạng xã hội chính thống cùng các tổ chức đoàn thể.

c) Bảo đảm thông tin đến đúng đối tượng, địa bàn và đúng thời điểm; đặc biệt chú ý khu vực ven biển, cửa sông, tàu thuyền hoạt động trên biển, vùng có nguy cơ sạt lở, ngập sâu, cháy rừng, khu vực nuôi trồng thủy sản tập trung và các vùng khó tiếp cận thông tin.

8. Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

a) Rà soát, xây dựng kế hoạch huy động, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn dự phòng ngân sách, Quỹ Phòng, chống thiên tai, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn ODA, Quỹ Khí hậu và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các nội dung: xử lý các điểm sạt lở đặc biệt nguy hiểm; di dời dân cư ra khỏi khu vực có nguy cơ cao; sửa chữa các công trình phòng, chống thiên tai ở tình trạng xung yếu; đầu tư xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm, cơ sở dữ liệu; mua sắm phương tiện, vật tư phục vụ công tác

cứu hộ, cứu nạn; bảo đảm nước sạch, điều kiện y tế và các điều kiện thiết yếu khác cho Nhân dân.

c) Phát triển đa dạng các cơ chế, công cụ tài chính hỗ trợ phòng, chống thiên tai, bao gồm: bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản công, phát hành trái phiếu xanh, hợp tác công tư và các hình thức phù hợp khác.

9. Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm và trách nhiệm người đứng đầu

a) Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm: phá rừng, lấn chiếm hành lang bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi, san lấp sông, kênh, rạch, ao, hồ, khai thác tài nguyên trái phép, xây dựng không đúng quy hoạch và các hành vi khác làm gia tăng nguy cơ thiên tai.

b) Rà soát, xử lý dứt điểm hoặc xây dựng lộ trình giải quyết các vụ việc tồn đọng có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và làm gia tăng mức độ rủi ro trên địa bàn.

c) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cấp trên nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Không tổ chức rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án ứng phó theo quy định.
- Không nắm chắc tình hình địa bàn, khu vực và đối tượng có nguy cơ bị ảnh hưởng.
- Không chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư theo phương án đã phê duyệt.
- Chậm trễ trong công tác cảnh báo, tổ chức sơ tán hoặc xử lý tình huống.
- Để xảy ra thiệt hại nghiêm trọng do nguyên nhân chủ quan.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026 - 2030

Ban hành Kế hoạch tổng thể của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời cụ thể hóa thành các kế hoạch hàng năm, chương trình, đề án và phương án chuyên ngành. Kế hoạch phải bảo đảm sự thống nhất với Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai; quy hoạch tổng thể tỉnh Cà Mau; quy hoạch ngành thủy lợi, xây dựng, đô thị, nông thôn, giao thông, năng lượng, đất đai và các quy hoạch có liên quan khác.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số rủi ro và hệ thống chỉ huy, điều hành trên môi trường số

Xây dựng đề án hoặc dự án chuyển đổi số phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; tích hợp cơ sở dữ liệu về khí tượng thủy văn, đê điều, thủy lợi, tài nguyên rừng, sạt lở, dân cư, giao thông, điện, nước, viễn thông; từng bước hoàn thiện bản đồ số rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo theo tác động và công cụ hỗ trợ ra quyết định.

3. Nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống kết cấu hạ tầng

Ưu tiên đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các chương trình, đề án và danh mục dự án ưu tiên; tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp

hệ thống đê biển, đê sông; công trình phòng, chống sạt lở; công trình chống ngập, kiểm soát triều cường; hệ thống công trình thủy lợi, hạ tầng thiết yếu; hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm và xây dựng cơ sở dữ liệu số.

4. Bố trí ổn định dân cư tại các khu vực có nguy cơ thiên tai

Lập đề án, phương án hoặc dự án về bố trí, sắp xếp lại dân cư; xác định rõ danh mục hộ dân cần di dời, khu vực bố trí mới, quỹ đất, nguồn vốn, xây dựng hạ tầng và giải pháp bảo đảm sinh kế, lộ trình thực hiện; ưu tiên di dời dân cư tại các khu vực sạt lở đặc biệt nguy hiểm, ven sông, ven biển, khu vực thường xuyên bị chia cắt, không bảo đảm điều kiện an toàn sinh hoạt và sản xuất.

5. Nâng cao năng lực cho lực lượng phòng, chống thiên tai và công tác phòng thủ dân sự

Xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn, huấn luyện và tổ chức diễn tập hàng năm; đầu tư trang thiết bị, phương tiện và hoàn thiện cơ chế phối hợp, chi viện giữa các lực lượng. Tổ chức diễn tập thực tế với các tình huống bão mạnh, triều cường, sạt lở đất, cháy rừng, ngập nước sâu, mất điện, mất nước, mất thông tin liên lạc và tổ chức sơ tán dân quy mô lớn.

6. Hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực và phát triển công cụ tài chính quản trị rủi ro thiên tai

Xây dựng đề án huy động nguồn vốn ngoài ngân sách, hợp tác công tư, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, Quỹ Khí hậu; phát triển các hình thức bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản và các công cụ tài chính khác nhằm chia sẻ rủi ro thiên tai.

7. Tích hợp yêu cầu phòng, chống thiên tai vào công tác quản lý phát triển

Xây dựng quy trình, hướng dẫn hoặc tiêu chí thẩm định bắt buộc; việc xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, chương trình phát triển, dự án đầu tư, công trình hạ tầng và phương án sản xuất tại khu vực có nguy cơ cao phải có nội dung đánh giá rủi ro thiên tai và giải pháp bảo đảm an toàn.

8. Nâng cao năng lực công tác dự báo, quan trắc và cảnh báo sớm

Xây dựng chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới và nâng cấp hệ thống quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo; tăng cường phối hợp với các cơ quan Trung ương, cơ sở nghiên cứu khoa học, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ và các tổ chức hợp tác quốc tế.

V. PHÂN CÔNG THÀNH VIÊN BAN CHỈ HUY PHÒNG THỦ DÂN SỰ TỈNH KIỂM TRA THỰC TẾ

1. Nội dung kiểm tra

Các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh căn cứ lĩnh vực, địa bàn được phân công trực tiếp tổ chức kiểm tra tại các sở, ngành, địa phương; tập trung vào các nội dung chính sau:

a) Việc quán triệt và cập nhật tư duy, quan điểm, nội dung, nhiệm vụ mới vào kế hoạch, phương án của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Công tác xác định khu vực nguy hiểm, lập danh sách hộ dân và đối tượng yếu thế cần được bảo vệ ưu tiên.

c) Việc xây dựng phương án sơ tán dân, xác định địa điểm trú tránh, tuyến đường di chuyển, lực lượng và phương tiện hỗ trợ.

d) Khả năng huy động lực lượng, phương tiện, vật tư, hậu cần theo phương châm “bốn tại chỗ”.

đ) Cơ chế phối hợp, chi viện khi tình huống vượt quá khả năng xử lý của địa phương cơ sở.

e) Mức độ an toàn công trình, hệ thống hạ tầng thiết yếu; các vị trí xung yếu, điểm sạt lở, khu vực có nguy cơ cháy rừng, ngập nước sâu, thiếu nước.

g) Công tác trực ban, bảo đảm thông tin, dự báo, cảnh báo và truyền tin.

h) Phương án dự phòng trong trường hợp mất điện, mất thông tin liên lạc và gián đoạn giao thông.

i) Khó khăn, vướng mắc phát sinh; đề xuất và kiến nghị nội dung cần hỗ trợ từ cấp trên.

2. Yêu cầu đối với công tác kiểm tra

a) Tổ chức kiểm tra trực tiếp tại địa bàn, công trình, khu vực nguy hiểm, địa điểm trú tránh và nơi tập kết lực lượng, vật tư; không chỉ thực hiện thông qua báo cáo bằng văn bản.

b) Kết thúc đợt kiểm tra phải lập biên bản, ghi nhận hình ảnh thực tế, nêu rõ nhận xét, nội dung yêu cầu cần khắc phục, thời hạn hoàn thành và cơ quan, cá nhân chịu trách nhiệm theo dõi, thực hiện.

c) Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện nguy cơ trực tiếp đe dọa tính mạng, tài sản của Nhân dân, thành viên Ban Chỉ huy có quyền yêu cầu cơ quan, địa phương tổ chức xử lý ngay theo thẩm quyền; đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

d) Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc khắc phục các tồn tại cho đến khi hoàn thành; định kỳ báo cáo kết quả về cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy.

3. Tổ chức các đợt kiểm tra

a) Đợt kiểm tra đầu tiên hoàn thành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Kế hoạch này có hiệu lực.

b) Tổ chức kiểm tra bổ sung trước mùa khô năm 2026 - 2027, trước các đợt thiên tai dự báo có mức nguy cơ cao hoặc theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp xây dựng lịch kiểm tra, nội dung chi tiết, biểu mẫu báo cáo; tổng hợp kết quả kiểm tra và đề xuất các giải pháp xử lý.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch này.

b) Khẩn trương rà soát, cập nhật Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh năm 2026, phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro và các kế hoạch, phương án chuyên ngành liên quan.

c) Chủ trì xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2026 - 2030; đề án xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số rủi ro và hệ thống cảnh báo theo tác động.

d) Chủ trì tổng hợp kết quả rà soát công trình, địa bàn xung yếu; xây dựng Phương án ứng phó hạn hán, thiếu nước và xâm nhập mặn; tổng hợp nhu cầu nguồn lực và danh mục nhiệm vụ ưu tiên triển khai.

đ) Tổng hợp kết quả kiểm tra của các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định và khi có yêu cầu đột xuất.

2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

a) Chủ trì rà soát, tổ chức lại việc thực hiện phương châm “bốn tại chỗ” trên cơ sở rà soát lực lượng phòng thủ dân sự tại chỗ ở cấp xã, đặc biệt là người có kỹ năng vận hành máy móc, phương tiện; xây dựng cơ chế huy động, phối hợp và chi viện lực lượng khi có tình huống.

b) Rà soát quy mô, năng lực lực lượng, phương tiện, vật tư phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn; xây dựng phương án triển khai lực lượng cơ động của cấp tỉnh.

c) Chủ trì tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập công tác phòng thủ dân sự và hoạt động cứu hộ, cứu nạn.

3. Công an tỉnh

a) Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, an toàn giao thông; bảo vệ tài sản của Nhà nước và Nhân dân khi xảy ra thiên tai.

b) Phối hợp tổ chức sơ tán dân, hoạt động cứu hộ, cứu nạn; kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm làm gia tăng nguy cơ thiên tai.

c) Xây dựng phương án bảo đảm thông tin chỉ huy, điều phối giao thông và bảo đảm an ninh trật tự tại các khu vực tập trung dân, địa điểm trú tránh.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì rà soát, tham mưu nguồn lực thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước; bảo đảm kinh phí cho nhiệm vụ cấp bách theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Tích hợp phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và kịch bản tăng trưởng.

c) Tham mưu xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách, vốn ODA, quỹ khí hậu, phát triển các công cụ tài chính chia sẻ rủi ro thiên tai, bảo hiểm

nông nghiệp, bảo hiểm tài sản công...; phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương triển khai hiệu quả.

5. Sở Xây dựng

a) Rà soát, kiểm tra và đánh giá mức độ an toàn công trình xây dựng, đô thị, nhà ở, hệ thống thoát nước, giao thông, cấp nước và các công trình hạ tầng thiết yếu thuộc phạm vi quản lý.

b) Tích hợp yêu cầu phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào công tác quản lý quy hoạch, tiêu chuẩn xây dựng, thẩm định dự án đầu tư và quản lý chất lượng công trình.

c) Xây dựng phương án bảo đảm giao thông, cấp nước và giải pháp khôi phục nhanh chóng hoạt động sau khi xảy ra thiên tai.

6. Sở Công Thương

Chủ trì xây dựng phương án bảo đảm nguồn cung cấp điện, hàng hóa, nhiên liệu và các vật tư thiết yếu; tổ chức duy trì và khôi phục nhanh chóng hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại và bảo đảm sự thông suốt của chuỗi cung ứng khi có tình huống thiên tai.

7. Sở Y tế

Chủ trì xây dựng phương án bảo đảm công tác cấp cứu, khám chữa bệnh, bảo đảm thuốc, vật tư y tế; tổ chức phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm vệ sinh môi trường và nguồn nước sạch tại các khu vực tập trung dân, địa điểm trú tránh và khu vực bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức rà soát, kiểm tra mức độ an toàn công trình trường học; xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho học sinh, giáo viên, bảo quản tài sản; tổ chức duy trì và khôi phục nhanh chóng hoạt động giáo dục sau khi xảy ra thiên tai.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin, truyền tin và cảnh báo; bảo đảm điều kiện bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống.

10. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì xây dựng, cập nhật phương án duy trì và khôi phục nhanh chóng hoạt động du lịch; bảo vệ an toàn công trình di tích lịch sử - văn hóa, di sản văn hóa, công trình văn hóa, thể thao và các điểm tham quan du lịch; phối hợp bảo đảm an toàn cho du khách và cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khi xảy ra thiên tai.

11. Báo và Phát thanh Truyền hình Cà Mau; các cơ quan báo chí và truyền thông

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến tư duy, quan điểm, chính sách và kiến thức, kỹ năng về phòng, chống thiên tai; truyền tải kịp thời, chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo và ý chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền; chủ động đấu tranh, xử lý nghiêm các thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về công tác phòng, chống thiên tai trên phạm vi địa bàn quản lý.

b) Khẩn trương rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án ứng phó của địa phương chi tiết, khả thi; nắm chắc tình hình khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai, danh sách hộ dân, đối tượng yếu thế và nguồn lực tại chỗ.

c) Chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, điều kiện hậu cần theo phương án; tổ chức thực hiện công tác sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có tình huống.

d) Báo cáo ngay khi phát sinh nguy cơ hoặc tình huống vượt quá khả năng xử lý; không chờ báo cáo định kỳ.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và toàn thể Nhân dân tham gia công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật và công tác hỗ trợ Nhân dân; chủ động huy động, quản lý và phân phối các nguồn hỗ trợ công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

14. Chế độ báo cáo

a) Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả rà soát, cập nhật kế hoạch, phương án và tiến độ thực hiện nhiệm vụ về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo thời hạn quy định tại Phụ lục đính kèm.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo định kỳ hàng tháng; trường hợp phát sinh tình huống khẩn cấp, nghiêm trọng thực hiện báo cáo đột xuất..

c) Kết quả thực hiện Kế hoạch này là một trong những căn cứ quan trọng để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương.

(Đính kèm Phụ lục danh mục nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 và định hướng đến năm 2030)

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các thành viên BCH Phòng thủ dân sự tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NN-XD (Kha24);
- Lưu: VT, TH77/8.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



Phụ lục
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

(Kèm theo Kế hoạch số 476 /KH-UBND ngày 11 /8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả	Trách nhiệm, kiểm tra
1	Rà soát, cập nhật Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh năm 2026 và phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Kế hoạch, phương án được cập nhật	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Cập nhật tư duy, quan điểm, nhiệm vụ mới vào kế hoạch của từng ngành, địa phương	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Văn bản hoặc kế hoạch cập nhật	Lãnh đạo các sở, ngành, địa phương
3	Rà soát khu vực nguy hiểm, hộ dân, đối tượng yếu thế; xây dựng phương án sơ tán	Ủy ban nhân dân các xã, phường	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ngành tỉnh	15 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch; cập nhật thường xuyên	Phương án, danh sách, bản đồ, tuyến và nơi trú tránh	Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường
4	Rà soát, ưu tiên phân bổ nguồn lực đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai cấp bách	Sở Tài chính	Các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Thường xuyên	Danh mục công trình, dự án được đầu tư	Lãnh đạo Sở Tài chính
5	Tổ chức lại “bốn tại chỗ”, cơ chế phối hợp, chi viện	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường	20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Phương án lực lượng, phương tiện, vật tư, chi viện	Lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả	Trách nhiệm, kiểm tra
6	Kiểm tra đê biển, đê sông, thủy lợi, khu neo đậu, điểm sạt lở	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường	20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Báo cáo phân loại; danh mục xử lý	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Kiểm tra điện, nước, viễn thông, giao thông, trường học, bệnh viện	Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân các xã, phường	20 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Báo cáo an toàn; phương án duy trì hoạt động	Lãnh đạo Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Khoa học và Công nghệ
8	Hoàn thiện Phương án ứng phó hạn hán, xâm nhập mặn mùa khô 2026 - 2027	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Trước mùa khô	Phương án được ban hành	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng quy trình cảnh báo theo tác động, truyền tin đa kênh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Trong năm 2026	Quy trình, mẫu bản tin, đầu mối truyền tin	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Tích hợp phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công và kịch bản tăng trưởng	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các xã, phường	Khi cập nhật kế hoạch năm 2026, xây dựng kế hoạch năm 2027	Kịch bản điều hành, danh mục ưu tiên	Lãnh đạo Sở Tài chính
11	Rà soát lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Công Thương	15 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch	Danh mục, vị trí, khả năng huy động	Lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
12	Kiểm tra, xử lý hành vi	Sở Nông nghiệp và	Công an tỉnh; Sở Xây dựng;	Thường xuyên	Kết quả kiểm tra, xử lý	Lãnh đạo Sở Nông

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm, kết quả	Trách nhiệm, kiểm tra
	làm gia tăng rủi ro thiên tai	Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường		vi phạm	ng nghiệp và Môi trường
13	Thành viên Ban Chỉ huy kiểm tra địa bàn, lĩnh vực phụ trách	Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường	30 ngày kể từ ngày ban hành kế hoạch (Kiểm tra đợt đầu)	Báo cáo kết quả kiểm tra, kiến nghị, thời hạn khắc phục	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Tổng hợp, báo cáo, công khai tiến độ thực hiện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các đơn vị	Hàng tháng và đợt xuất	Báo cáo tiến độ, danh sách nhiệm vụ chậm	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường

II. Nhiệm vụ định hướng đến năm 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Hình thức thực hiện	Thời gian	Sản phẩm, kết quả	Trách nhiệm, kiểm tra
1	Xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Năm 2026	Kế hoạch được ban hành	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ số rủi ro, hệ thống điều hành số	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đề án, Kế hoạch hoặc dự án chuyển đổi số	2026 - 2028	Cơ sở dữ liệu, bản đồ, hệ thống điều hành số	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng phòng, chống thiên tai và hạ tầng thiết yếu	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở chuyên ngành	Kế hoạch đầu tư công, chương trình, dự án	2026 - 2030	Các công trình, dự án ưu tiên	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở chuyên ngành
4	Bố trí ổn định dân cư vùng nguy hiểm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đề án, phương án, dự án bố trí dân cư	Lộ trình từ năm 2027	Danh mục hộ, địa điểm, vốn, sinh kế	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Nâng cao năng lực lực lượng phòng, chống thiên tai, phòng thủ dân sự	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Chương trình tập huấn, diễn tập, đầu tư trang thiết bị	Hàng năm	Lực lượng được huấn luyện, diễn tập	Lãnh đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Hình thức thực hiện	Thời gian	Sản phẩm, kết quả	Trách nhiệm, kiểm tra
6	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực ngoài ngân sách	Sở Tài chính	Đề án huy động vốn, PPP, ODA, quỹ khí hậu	2026 - 2028	Cơ chế và danh mục dự án	Lãnh đạo Sở Tài chính
7	Tích hợp đánh giá rủi ro vào quy hoạch, dự án đầu tư	Sở Xây dựng	Quy trình, tiêu chí, hướng dẫn thẩm định	Thực hiện từ năm 2026	Hồ sơ có nội dung đánh giá rủi ro	Lãnh đạo Sở Xây dựng
8	Phát triển hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo sớm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chương trình, dự án đầu tư	2026 - 2030	Trạm quan trắc, dữ liệu, hệ thống cảnh báo	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Nghiên cứu công cụ tài chính chia sẻ rủi ro thiên tai	Sở Tài chính	Đề án nghiên cứu, thí điểm	2027 - 2030	Mô hình bảo hiểm, tín dụng phục hồi	Lãnh đạo Sở Tài chính